

**TỔNG QUAN HIỆN TRẠNG RỪNG VIỆT NAM
VÀ TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG RỪNG, ĐẤT LÂM NGHIỆP
TRONG CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP**

Người trình bày: Phạm Văn Hạnh, Vụ QLSX, TCLN



NỘI DUNG TRÌNH BÀY

1. Tổng quan quy hoạch và hiện trạng rừng Việt Nam
2. Tình hình quản lý sử dụng đất lâm nghiệp trong các công ty lâm nghiệp trước khi sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP
3. Giải pháp và tổ chức giải quyết, xử lý tranh chấp, lấn chiếm rừng và đất lâm nghiệp trong các công ty lâm nghiệp khi thực hiện sắp xếp, đổi mới theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP
4. Tình hình sắp xếp, đổi mới công ty Lâm nghiệp theo Nghị định số 118/2014/NĐ-CP

TỔNG QUAN QUY HOẠCH VÀ HIỆN TRẠNG RỪNG VIỆT NAM

Quy hoạch 3 loại rừng

Tổng diện tích đất quy hoạch lâm nghiệp đến năm 2020 16,245 triệu ha, trong đó:

Đất rừng đặc dụng: 2,271 triệu ha;

Đất rừng phòng hộ: 5,842 triệu ha;

Đất rừng sản xuất: 8,132 triệu ha.



Hiện trạng rừng theo quy hoạch 3 loại rừng năm 2006-2014

I. Tổng đất có rừng	Năm 2006	Năm 2008	Năm 2010	Năm 2012	Năm 2014
	12.873.850	13.118.773	13.388.075	13.862.043	13.796.506
- Rừng tự nhiên	10.410.141	10.348.591	10.304.816	10.423.844	10.100.186
- Rừng trồng	2.463.710	2.770.182	3.083.259	3.438.200	3.696.320
1. Rừng sản xuất	5.402.172	6.317.862	6.539.603	7.164.645	7.146.837
- Rừng tự nhiên	3.723.305	4.195.887	4.150.419	4.460.496	4.153.243
- Rừng trồng	1.678.867	2.121.975	2.389.184	2.704.150	2.993.594
2. Rừng phòng hộ	5.268.789	4.739.236	4.846.196	4.675.404	4.564.537
- Rừng tự nhiên	4.599.900	4.168.117	4.231.931	4.023.040	3.938.689
- Rừng trồng	668.889	571.120	614.265	652.364	625.848
3. Rừng đặc dụng	2.202.888	2.061.675	2.002.276	2.021.995	2.085.132
- Rừng tự nhiên	2.086.935	1.984.587	1.922.465	1.940.309	2.008.254
- Rừng trồng	115.953	77.088	79.810	81.686	76.878
II. Tỷ lệ che phủ rừng					
%	37,7	38,7	39,5	40,7	40,43

Hiện trạng rừng sản xuất theo chủ rừng quản lý năm 2014

Chủ quản lý rừng	Đất có rừng (ha)	Rừng tự nhiên (ha)	Rừng trồng (ha)	Tỷ lệ RTN	Tỷ lệ RT	Tỷ lệ DT
Tổng DT rừng sản xuất	7.146.837	4.153.243	2.993.594	100%	100%	100%
Doanh nghiệp nhà nước	1.690.934	1.324.554	366.380	31,89	12,24	22,06
Hộ gia đình	3.281.093	1.496.980	1.784.113	36,04	59,60	47,82
Cộng đồng	458.224	441.421	16.803	10,63	0,56	5,60
Tổ chức khác	1.716.586	890.288	826.298	21,44	27,60	24,52

TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP TRƯỚC KHI SẮP XẾP, ĐỔI MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP

1. *Về rà soát đất đai:* phần lớn các CTLN chỉ tiến hành rà soát đất đai trên sổ sách, trên bản đồ.
2. *Về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất:* còn 46,7% diện tích đất do các CTLN quản lý chưa được cấp GCNQSDĐ.
3. *Tình hình tranh chấp, lấn chiếm đất đai:* xảy ra khá phổ biến ở tất cả các vùng, tập trung ở các công ty quản lý RTN.
4. *Về công tác khoán rừng và đất lâm nghiệp:* chiếm 30% tổng diện tích đất quản lý



TÌNH HÌNH QUẢN LÝ SỬ DỤNG ĐẤT LÂM NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP TRƯỚC KHI SẮP XẾP, ĐỔI MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 118/2014/NĐ-CP

5. *Về liên doanh, liên kết:* một số CTLN thực hiện liên doanh, liên kết kém hiệu quả, có trường hợp sử dụng đất không đúng mục đích.

6. *Về cho thuê, cho mượn đất:* một số công ty cho thuê, cho mượn đất (trong khi chưa phải trả tiền thuê đất).

7. *Về quản lý rừng tự nhiên:* còn nhiều yếu kém, vẫn bị khai thác trái phép, diện tích, chất lượng rừng suy giảm.



GIẢI PHÁP XỬ LÝ TRANH CHẤP, LẤN CHIẾM RỪNG, ĐẤT LÂM NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP

1. Đối với đất công ty đang cho tổ chức, cá nhân thuê, mượn:

a) Chấm dứt cho tổ chức thuê, mượn đất.

b) Hộ gia đình, cá nhân sử dụng đúng mục đích, đối tượng thì chuyển sang hình thức khoán, nếu không khoán được thì thu hồi.

c) Đối với đất tổ chức, cá nhân thuê, mượn không đúng phương án sử dụng đất thì chuyển giao về địa phương.



GIẢI PHÁP XỬ LÝ TRANH CHẤP, LẤN CHIẾM RỪNG, ĐẤT LÂM NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP

2. Đất của công ty đang bị hộ gia đình, cá nhân lấn, chiếm:

a) Nếu nằm trong phương án sử dụng đất thì thực hiện khoán hoặc thu hồi .

b) Nếu không còn nhu cầu sử dụng thì chuyển giao địa phương .

c) Nếu bị chuyển nhượng trái phép thì thu hồi, chuyển giao địa phương.



GIẢI PHÁP XỬ LÝ TRANH CHẤP, LẤN CHIẾM RỪNG, ĐẤT LÂM NGHIỆP TRONG CÁC CÔNG TY LÂM NGHIỆP KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP, ĐỔI MỚI THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP

3. Đối với đất của công ty đang bị tranh chấp

a) Với hộ gia đình, cá nhân: sản xuất ổn định, không nằm trong phương án sử dụng đất thì giao lại địa phương.

b) Với hộ gia đình, cá nhân: sản xuất ổn định, nhưng nằm trong phương án sử dụng đất thì thực hiện khoán hoặc thu hồi.

c) Với tổ chức: Thu hồi để sản xuất kinh doanh hoặc giao lại cho địa phương để giao đất hoặc cho thuê đất.

4. Trường hợp góp vốn bằng giá trị quyền sử dụng đất: chuyển sang thuê đất hoặc thu hồi giao lại địa phương.



5. Đất ở, đất kinh tế hộ gia đình

a) Trường hợp diện tích đất mà công ty lâm nghiệp đã bố trí cho hộ gia đình, cá nhân là cán bộ công nhân viên của công ty đang làm việc, sử dụng ổn định, không có tranh chấp và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo quy định Luật Đất đai.

b) Trường hợp không phù hợp với quy hoạch sử dụng đất của địa phương thì lập phương án bố trí lại diện tích đất ở thành khu dân cư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, giao về cho địa phương quản lý.

c) Trường hợp công ty lâm nghiệp đã giải thể thì Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh lập phương án bố trí lại diện tích đất ở thành khu dân cư trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.



TÌNH HÌNH SẮP XẾP ĐỔI MỚI CÔNG TY LÂM NGHIỆP THEO NGHỊ ĐỊNH 118/2014/NĐ-CP

1. Thẩm định và phê duyệt Phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới công ty nông, lâm nghiệp

- Tổng số: 134 doanh nghiệp (125 đơn vị trực thuộc UBND tỉnh và 9 đơn vị trực thuộc các Bộ):
 - + 03 công ty giữ 100% vốn nhà nước thực hiện SXKD;
 - + 60 công ty giữ 100% vốn nhà nước dịch vụ công ích;
 - + 32 công ty cổ phần;
 - + 19 công ty TNHH hai thành viên trở lên;
 - + 03 công ty chuyển thành Ban quản lý rừng phòng hộ;
 - + 16 công ty giải thể.

2. Hiện trạng sử dụng đất trong các công ty lâm nghiệp sau khi thẩm định và phê duyệt Phương án tổng thể SXĐM

- Tổng diện tích quản lý, sử dụng: 1.837.511 ha, trong đó:
 - + Tự tổ chức sản xuất: 1.220.655 ha;
 - + Khoán: 420.807 ha (khoán trắng 680 ha);
 - + Liên doanh liên kết: 40.218 ha;
 - + Tranh chấp, lấn chiếm: 130.223 ha;
 - + Cấp trùng: 26.527 ha;
 - + Cho thuê, cho mượn: 191 ha.
- Dự kiến giữ lại quản lý, sử dụng: 1.481.793 ha, trả về địa phương: 355.718 ha.



Một số khó khăn khi thực hiện sắp xếp đổi mới công ty lâm nghiệp

- Lựa chọn mô hình mới; tiêu chí CTLN ở vùng biên giới gắn với nhiệm vụ quốc phòng an ninh.
- Xác định giá trị doanh nghiệp, xử lý công nợ.
- Rà soát lại đất đai, giao đất về địa phương.
- Kinh phí đo đạc rà soát, cắm mốc ranh giới đất đai.
- Cơ chế đặt hàng, giao nhiệm vụ công ích.
- Nghị định 118/2014/NĐ-CP không quy định hình thức phá sản, không xử lý được các khoản công nợ.

